TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS-ST
Ngày: 23/9/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2022/TLST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K.

2. Bị đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K.

(Chị N có mặt; Chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Vào ngày 23/10/2020 âm lịch bà L có mượn của chị số tiền 7.000.000 đồng gồm 02 lần: lần đầu mượn số tiền 5.000.000 đồng nhưng trong giấy chị ghi giao hụi vì chị mượn tiền hụi chị làm đầu thảo đem cho bà L mượn, chứ bà L không có tham gia hụi của chị. Sau đó bà L trả được cho chị 3.000.000 đồng. Còn nợ lại 2.000.000 đồng. Và lần sau ngày 29/10/2020 mượn số tiền 2.000.000 đồng ghi chung biên nhận lần đầu mượn tiền. Như vậy bà L thiếu chị tổng cộng số tiền 4.000.000 đồng. Nhưng từ đó đến nay bà L không trả.

Hiện nay bà L đang làm ăn sinh sống tại địa phương, chị có đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà L cứ hẹn và không trả.

Nay chị yêu cầu bà L trả cho chị số tiền mượn còn thiếu là 4.000.000 đồng.

** Bị đơn chị Dương Thị L vắng mặt nhưng theo biên bản ghi lời khai ngày 19/7/2022, thì chị L trình bày:*

Chị có mượn của bà Nguyễn Thị N 02 lần tổng cộng số tiền 4.000.000 đồng khoảng 01 năm 02 năm nay.

Nay bà N yêu cầu chị trả số tiền 4.000.000 đồng, chị cũng đồng ý nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết số tiền vì hiện tại hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị N xác định số tiền chị L mượn không xác định thời gian trả lại, chị L ngày nào có tiền sẽ góp trả chị theo ngày góp trả cho đến khi đủ số tiền mượn 4.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó do tình hình dịch covid chị L không góp, cũng không có thiện chí trả nợ nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu chị L trả cho chị số tiền 4.000.000 đồng, thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn chị Dương Thị L phải trả cho chị N số tiền vay còn nợ 4.000.000

đồng. Về lãi suất do nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu, không tranh chấp nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Dương Thị L địa chỉ ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K trả số tiền vay còn nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Dương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị L đã vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Ly trong vụ án này.

[3] Về nội dung:

- Xét thấy giao dịch vay tiền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn chị Dương Thị L là một hợp đồng dân sự về vay tài sản không kỳ hạn, được giao kết trên cơ sở tự nguyện của các bên. Phía nguyên đơn chị N xác định chị L vay của chị số tiền 7.000.000 đồng gồm 02 lần: lần đầu vay số tiền 5.000.000 đồng nhưng trong giấy chị ghi giao hụi vì chị mượn tiền hụi chị làm đầu thảo đem cho chị L mượn, chứ chị L không có tham gia hụi của chị. Sau đó chị L trả được cho chị 3.000.000 đồng. Còn nợ lại 2.000.000 đồng. Và lần sau ngày 29/10/2020 vay số tiền 2.000.000 đồng ghi chung biên nhận lần đầu mượn tiền. Như vậy chị L còn nợ chị số tiền vay tổng cộng 4.000.000 đồng. Nhưng từ đó đến nay bà L không trả. Chị L ngày nào có tiền sẽ góp trả chị theo ngày góp trả cho đến khi đủ số tiền vay 4.000.000 đồng. Nhưng đến nay đã quá lâu, chị L không có thiện chí trả nợ. Do quyền lợi bị xâm hại nên chị khởi kiện yêu cầu chị L phải trả cho chị số tiền vay còn nợ 4.000.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Việc chị L không đến Tòa tham gia tố tụng là tự mình từ bỏ quyền lợi của

mình được trình bày ý kiến, đề nghị, yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình. Theo biên bản ghi lời khai ngày 19/7/2022, chị L thừa nhận còn nợ chị N số tiền 4.000.000 đồng và chị L cũng đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết số tiền nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ để chấp nhận và Hội đồng xét xử có đủ cơ sở buộc chị Dương Thị L có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 4.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị N.

Giữa chị N và chị L đã thống nhất số tiền vay còn nợ nhưng không thống nhất được với nhau về thời gian và hình thức thanh toán tiền. Việc chị L khai nại xin trả dần số tiền 4.000.000 đồng, mỗi tháng trả 300.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cách thức và thời gian trả dần của chị L là kéo dài thêm thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị N và tại phiên tòa chị N cũng không đồng ý cho chị L trả dần nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu này.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn chị Dương Thị L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền vay còn nợ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về lãi suất:

Do nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu tính lãi, không có tranh chấp tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về phát suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: do bị đơn vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: chị Dương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005366 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 92, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn chị Dương Thị L trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền vay còn nợ là 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bị đơn chị Dương Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị N 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005366 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn chị Dương Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU